

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào

ngày 31 tháng 3 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 02
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2016	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2016	08
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	09 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 9 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 45.131.170.000 đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Khưu Kim Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các giai đoạn tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016

Thay mặt Ban Giám đốc

GIAM ĐOC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN
QUẬN 7 TP. HỒ CHÍ MINH
TRẦN TUẤN MINH

Số: 16.493/BCKT-DTL

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 5 năm 2016 từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0067-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139.917.078.853	143.174.187.482
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.255.260.677	5.081.011.375
1. Tiền	111	5.1	6.255.260.677	5.081.011.375
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.684.487.953	46.077.824.507
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	47.506.815.108	35.127.584.510
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		696.640.151	1.280.946.541
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		515.325.692	10.703.586.454
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(1.034.292.998)	(1.034.292.998)
III. Hàng tồn kho	140		77.713.511.229	87.865.161.533
1. Hàng tồn kho	141	5.4	77.713.511.229	87.865.161.533
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.263.818.994	4.150.190.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.394.537.757	1.594.712.699
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.810.370.644	1.964.550.668
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	1.058.910.593	590.926.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.693.515.389	32.620.792.163
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.274.860.870	2.294.947.682
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.274.860.870	2.294.947.682
II. Tài sản cố định	220		27.975.505.058	28.575.527.498
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	22.302.981.770	15.642.263.902
- Nguyên giá	222		35.417.668.843	26.458.173.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.114.687.073)	(10.815.910.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.6	5.412.824.960	12.648.670.578
- Nguyên giá	225		9.001.590.081	20.890.713.768
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.588.765.121)	(8.242.043.190)
3. Tài sản cố định vô hình	227		259.698.328	284.593.018
- Nguyên giá	228		398.315.000	398.315.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.616.672)	(113.721.982)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.443.149.461	1.750.316.983
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.443.149.461	1.750.316.983
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		170.610.594.242	175.794.979.645

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		116.166.714.906	124.312.235.210
I. Nợ ngắn hạn	310		113.731.296.238	123.237.750.337
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	42.479.244.286	39.187.709.182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		400.753.848	2.927.123.092
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.347.757.011	2.933.500.744
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	454.698.847
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		661.075.625	437.599.147
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	67.413.361.465	77.246.315.115
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		429.104.003	50.804.210
II. Nợ dài hạn	330		2.435.418.668	1.074.484.873
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.8	2.435.418.668	1.074.484.873
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.443.879.336	51.482.744.435
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	54.443.879.336	51.482.744.435
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.131.170.000	45.131.170.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.131.170.000	45.131.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.356.558.615	809.367.187
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.831.944.901	5.418.001.428
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.370.810.000	365.203.133
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.461.134.901	5.052.798.295
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		170.610.594.242	175.794.979.645

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



LƯU NGỌC HÂN

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Dạng đầy đủ)

Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	241.040.069.133	205.816.584.302
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	240.109.611	131.165.183
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		240.799.959.522	205.685.419.119
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	219.966.060.512	191.631.276.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.833.899.010	14.054.142.632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	669.676.309	355.751.923
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.919.320.519	3.077.135.242
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.196.582.622	2.733.041.177
8. Chi phí bán hàng	24	6.6	8.979.318.053	7.103.453.536
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	4.087.271.873	3.354.019.738
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.517.664.874	875.286.039
11. Thu nhập khác	31		130.206.785	1.017.308.014
12. Chi phí khác	32		13.878.239	2.969.518
13. Lợi nhuận khác	40		116.328.546	1.014.338.496
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.633.993.420	1.889.624.535
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.172.858.519	508.272.509
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6.9	3.461.134.901	1.381.352.026
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70		714	325

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



LƯU NGỌC HÂN

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.633.993.420	1.889.624.535
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		3.456.808.544	3.135.498.047
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(55.784.969)	(82.886.001)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.509.243)	(810.951.863)
Chi phí lãi vay	06		3.196.582.622	2.733.041.177
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.225.090.374	6.864.325.895
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.900.380.503)	4.364.289.360
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.151.650.304	(25.631.987.619)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		664.608.490	43.791.100
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(492.657.536)	(1.054.338.250)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.196.582.622)	(2.733.041.177)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.889.267.251)	(2.516.381.357)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.600.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(121.700.207)	(160.365.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.440.761.049	(20.821.107.340)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.218.835.164)	(5.200.911.753)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		363.636.364	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.921.939	8.669.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.850.276.861)	(5.192.242.180)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	157.938.896.018	120.291.051.123
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(163.809.963.044)	(93.487.273.735)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.600.952.829)	(2.408.900.046)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.472.019.855)	24.394.877.342
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.118.464.333	(1.618.472.178)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.081.011.375	6.682.241.904
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		55.784.969	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		6.255.260.677	5.063.769.726

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





LƯU NGỌC HÂN

ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG

TRẦN TUẤN MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 25 tháng 9 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 45.131.170.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 280 người (31 tháng 3 năm 2015 là 326 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở)
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/10 đến 30/9.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016. Trong kỳ Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 là kỳ đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính để phù hợp với việc trình bày các số liệu của kỳ kế toán hiện hành như đã nêu tại mục 4.21.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí lương tháng 13 và giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 08 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.10. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	07 năm
-------------------	--------

4.11. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.17. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ là 22% (từ 01/10/2015 đến 31/12/2015) và 20% (từ 01/01/2016 đến 31/03/2016).

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

4.21. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	10.703.586.454	8.793.462.067
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	590.926.700	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	2.501.051.087
Phải thu dài hạn khác	2.294.947.682	-
Tài sản dài hạn khác	-	2.294.947.682
Quỹ đầu tư phát triển	809.367.187	110.877.737
Quỹ dự phòng tài chính	-	698.489.450

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Kỳ trước (Được báo cáo lại)	VND Kỳ trước (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	325	360

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Kỳ trước (Được báo cáo lại)	VND Kỳ trước (Đã được báo cáo trước đây)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.600.000	31.031.507.305
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(160.365.292)	(29.982.951.938)
Tăng, giảm các khoản phải thu	4.364.289.360	3.157.968.701

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Tiền mặt	3.195.117.847	3.069.369.270
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.060.142.830	2.011.642.105
Cộng	6.255.260.677	5.081.011.375

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.2. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	7.811.921.682	1.884.867.305
Harbor Freight Tools	11.794.222.175	9.781.137.080
Các khách hàng khác	27.900.671.251	23.461.580.125
Cộng	47.506.815.108	35.127.584.510

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:

Công ty CP Hữu Liên Á Châu	658.779.012	748.002
----------------------------	-------------	---------

5.3. Nợ xấu

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.654.198.445	619.905.448	1.654.198.445	619.905.448

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã quá thời hạn thanh toán lâu và đã yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng chưa thể thu hồi.

5.4. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.646.001.047	-	41.277.174.402	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	607.244.295	-	939.509.422	-
Thành phẩm	33.456.769.564	-	42.445.394.780	-
Hàng hóa	4.003.496.323	-	3.203.082.929	-
Cộng	77.713.511.229	-	87.865.161.533	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	775.086.961	23.302.070.406	1.907.690.390	473.326.202	26.458.173.959
Mua trong kỳ	-	8.063.816.096	1.289.618.182	-	9.353.434.278
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(393.939.394)	-	(393.939.394)
Số dư cuối kỳ	775.086.961	31.365.886.502	2.803.369.178	473.326.202	35.417.668.843
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	89.632.112	9.912.921.154	445.148.784	368.208.007	10.815.910.057
Khấu hao trong kỳ	53.268.636	2.062.250.320	193.329.619	21.818.775	2.330.667.350
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(31.890.334)	-	(31.890.334)
Số dư cuối kỳ	142.900.748	11.975.171.474	606.588.069	390.026.782	13.114.687.073
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	685.454.849	13.389.149.252	1.462.541.606	105.118.195	15.642.263.902
Tại ngày cuối kỳ	632.186.213	19.390.715.028	2.196.781.109	83.299.420	22.302.981.770

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.254.582.811 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	VND	
Khoản mục	Máy móc, thiết bị	
Nguyên giá:		
Số dư đầu năm	20.890.713.768	
Mua lại tài sản thuê	(11.889.123.687)	
Số dư cuối kỳ	9.001.590.081	
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Số dư đầu năm	8.242.043.190	
Khấu hao trong kỳ	1.101.246.504	
Mua lại tài sản thuê	(5.754.524.573)	
Số dư cuối kỳ	3.588.765.121	
Giá trị còn lại:		
Tại ngày đầu năm	12.648.670.578	
Tại ngày cuối kỳ	5.412.824.960	

5.7. Chi phí trả trước

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	1.826.974.676	603.946.352
Các khoản khác	567.563.081	990.766.347
Cộng	2.394.537.757	1.594.712.699
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	663.095.511	998.581.689
Các khoản khác	780.053.950	751.735.294
Cộng	1.443.149.461	1.750.316.983

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.8. Vay và nợ thuế tài chính

Các khoản vay và nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	67.413.361.465	67.413.361.465	156.418.380.891	166.251.334.541	77.246.315.115	77.246.315.115	
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	2.435.418.668	2.435.418.668	1.845.000.000	159.581.332	1.074.484.873	1.074.484.873	
Cộng	69.848.780.133	69.848.780.133	158.263.380.891	166.410.915.873	78.320.799.988	78.320.799.988	

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

Thời hạn	Kỳ này		Kỳ trước		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	
Từ 1 năm trở xuống	2.729.682.081	128.729.252	2.880.302.373	449.194.185	2.431.108.188
Cộng	2.729.682.081	128.729.252	2.880.302.373	449.194.185	2.431.108.188

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty TNHH Trung tâm gia công Posco Việt Nam	11.106.160.505	11.106.160.505	10.981.773.933	10.981.773.933	
Công ty CP Tập đoàn Thiên Quang	18.649.995.394	18.649.995.394	22.018.243.797	22.018.243.797	
Công ty TNHH Thương Mại Thép Tân Tiến	5.152.597.437	5.152.597.437	-	-	
Các nhà cung cấp khác	7.570.490.950	7.570.490.950	6.187.691.452	6.187.691.452	
Cộng	42.479.244.286	42.479.244.286	39.187.709.182	39.187.709.182	

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:

Công ty CP Hữu Liên Á Châu	223.926.896	223.926.896	705.440.128	705.440.128	
----------------------------	-------------	-------------	-------------	-------------	--

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	VND
				Cuối kỳ
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	218.596.792	892.204.206	1.110.800.998	-
Thuế xuất, nhập khẩu	249.641.279	389.091.314	19.319.183	619.413.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.380.209.859	1.172.858.519	1.889.267.251	1.663.801.127
Thuế thu nhập cá nhân	85.052.814	172.596.490	193.106.830	64.542.474
Cộng	2.933.500.744	2.626.750.529	3.212.494.262	2.347.757.011
Phải thu:				
Thuế chống bán phá giá	590.926.700	997.185.107	529.201.214	1.058.910.593
Cộng	590.926.700	997.185.107	529.201.214	1.058.910.593

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.11. Vốn chủ sở hữu

5.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
Số dư tại ngày 01 tháng 10 năm 2014	39.763.500.000	1.657.825.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	809.367.187	47.079.946.140	
Lãi cùng kỳ trước	-	-	-	-	-	1.381.352.026	
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2015	39.763.500.000	1.657.825.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	809.367.187	48.461.298.166	
Tăng vốn trong năm trước	5.367.670.000	(1.533.620.000)	-	-	-	-	
Lãi sáu tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	3.671.446.269	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(650.000.000)	
Số dư tại ngày 01 tháng 10 năm 2015	45.131.170.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	809.367.187	51.482.744.435	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	3.461.134.901	
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	547.191.428	(547.191.428)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(500.000.000)	
Số tại ngày 31 tháng 3 năm 2016	45.131.170.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	54.443.879.336	

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.908.000.000	13.908.000.000
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	2.052.000.000	2.052.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	29.171.170.000	29.171.170.000
Cộng	45.131.170.000	45.131.170.000

5.11.3. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.513.117	4.513.117
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.513.117	4.513.117
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.370.817	4.370.817

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	15.868,37	2.113,87

VND

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	1.061.625.388	1.061.625.388

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	30.217.497.131	11.025.454.712
Doanh thu bán thành phẩm	210.492.572.002	194.313.856.863
Doanh thu cho thuê nhà	330.000.000	477.272.727
Cộng	241.040.069.133	205.816.584.302

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan –
Xem thêm mục 9:

Công ty CP Hữu Liên Á Châu	6.146.995.293	2.588.939.213
----------------------------	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giảm giá hàng bán	11.131.430	-
Hàng bán bị trả lại	228.978.181	131.165.183
Cộng	240.109.611	131.165.183

6.3. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29.624.210.505	7.955.380.007
Giá vốn của thành phẩm đã bán	190.047.191.942	183.483.579.803
Giá vốn cho thuê nhà	294.658.065	192.316.677
Cộng	219.966.060.512	191.631.276.487

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.921.939	8.669.573
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	608.969.401	264.196.349
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	55.784.969	82.886.001
Cộng	669.676.309	355.751.923

6.5. Chi phí tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	3.196.582.622	2.733.041.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	722.737.897	344.094.065
Cộng	3.919.320.519	3.077.135.242

6.6. Chi phí bán hàng

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên bán hàng	2.500.848.498	2.202.298.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.082.769	76.107.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.069.747.567	3.969.429.364
Các khoản chi phí khác	1.338.639.219	855.618.216
Cộng	8.979.318.053	7.103.453.536

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	1.909.958.426	1.767.731.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.404.470	122.100.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.490.237	1.005.714.872
Các khoản chi phí khác	855.418.740	458.472.504
Cộng	4.087.271.873	3.354.019.738

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.593.026.517	291.408.834.959
Chi phí nhân công	17.195.841.435	15.513.972.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.456.808.544	3.135.498.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.373.673.027	8.442.340.914
Chi phí khác bằng tiền	5.092.410.572	2.766.103.288
Cộng	223.711.760.095	321.266.749.652

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	4.633.993.420	1.889.624.535
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.084.425.666	420.705.050
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.718.419.086	2.310.329.585
▪ Thu nhập chịu thuế suất 22%	1.458.735.081	2.310.329.585
▪ Thu nhập chịu thuế suất 20%	4.259.684.005	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.172.858.519	508.272.509
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	1.172.858.519	508.272.509

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như chi phí không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	157.938.896.018

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(163.809.963.044)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bởi vì lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên chỉ bao gồm việc sản xuất và mua bán các mặt hàng thép nên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã thể hiện rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận của hoạt động này.

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	149.917	98.344	90.883	107.342	240.800	205.686
Cộng	149.917	98.344	90.883	107.342	240.800	205.686
Tài sản của bộ phận	170.611	175.795	-	-	170.611	175.795
Chi phí mua sắm tài sản	3.219	5.175	-	-	3.219	5.175

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
2. Trần Tuấn Minh

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Giám đốc Công ty

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa niên độ, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	658.779.012	748.002

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Phải trả - Xem thêm mục 5.9: Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	(223.926.896)	(705.440.128)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Bán hàng – Xem thêm mục 6.1	6.146.995.293	2.588.939.213
Mua hàng	223.926.896	1.775.804.739
Thuê kho	2.038.876.380	2.200.948.362

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc được chi tiết như sau:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	264.000.000	192.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	481.893.000	309.000.000
Cộng	745.893.000	501.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

10. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 7 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 3 đến 3,5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.448.480.041	3.724.947.997
Trên 1 năm đến 5 năm	-	324.484.873
Cộng	1.448.480.041	4.049.432.870

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2015 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 13 tháng 5 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



LƯU NGỌC HÂN



ĐINH THỊ NGUYỄN HƯƠNG



TRẦN TUẤN MINH

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

